TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-10-2019

V/v: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đời và bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Tín - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST- HNGĐ ngày 24/10/2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 99, phường Nại Hiên Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn N**, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 57 Lê Cảnh T, tổ 85, phường Nại Hiên Đ, quận S, TP. Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 01/8/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Văn N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nại Hiên Đ. Hôn nhân tự nguyện, trong quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, chồng tôi không có trách nhiệm với gia đình vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chúng tôi đã ly thân nhau từ tháng 11/2018 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm của tôi đối với chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng là ông Phạm Văn N.

Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông N có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/04/2014. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ôngN cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định không có.

**** Bị đơn ông Phạm Văn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ôngN trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.***

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Nguyên đơn bà H chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố

tụng. Riêng bị đơn ông N không tham gia tố tụng tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Phạm Văn N.

Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/04/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND Nại Hiên Đ, quận S, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường

xuyên cải vã nhau, chồng bà không có trách nhiệm với gia đình vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông, bà đã ly thân nhau từ tháng 11/2018 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Nay bà H xác định tình cảm của bà đối với chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với chồng là ông Phạm Văn N.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N. HĐXX xét thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 27/8/2019 thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là có thật. Hiện nay bà H đã bồng con đi khỏi địa phương từ năm 2018 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N là thoả đáng. Còn ông N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên cần vận dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

Về con chung: Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/04/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu ôngN cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy, hiện nay cháu H đang sống ổn định với mẹ nên để tránh việc làm xáo trộn môi trường sống của cháu, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của bà H.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nên không đề cập đến.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Phạm Văn N. *Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Văn N nên giấy chứng nhận kết hôn số 161/2013, quyển số 01 do UBND phường Nại Hiên Đ, quận S cấp ngày 24/10/2013 không còn giá trị pháp lý.*

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 28/04/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000đ bà Nguyễn Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 8052 ngày 21/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7

và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**